

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ **BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	Ich	9,8	Chín phẩy tám	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	P	9,7	Chín phẩy bảy	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Hat	6,7	Sáu phẩy bảy	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Don	6,4	Sáu phẩy tư	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	Hoa	9,8	Chín phẩy tám	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	khg	8,7	Tám phẩy bảy	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	kh	8,8	Tám phẩy tám	
8	2410120008	Phan Anh	Linh	19/12/2006	C26TC	ph	9,5	Chín phẩy năm	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Phu	9,7	Chín phẩy bảy	
10	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	Nguyet	5,3	Năm phẩy ba	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	ht	9,8	Chín phẩy tám	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	ht	9,2	Chín phẩy hai	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	7,0	Bảy phẩy không	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyển	04/08/2006	C26TC	Qu	9,7	Chín phẩy bảy	
15	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Phuo	9,7	Chín phẩy bảy	
16	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	9,8	Chín phẩy tám	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thu	7,1	Bảy phẩy một	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	Phu	8,8	Tám phẩy tám	
19	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Tien	9,7	Chín phẩy bảy	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Tu	8,1	Tám phẩy một	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	C26TC	Trinh	8,8	Tám phẩy tám	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC	Tru	9,7	Chín phẩy bảy	
23	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Truc	8,4	Tám phẩy tư	
24	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	6,4	Sáu phẩy tư	
25	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	6,4	Sáu phẩy tư	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Phụng



Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	IC	8,0	Tạm phần học	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	P	7,5	Bảng phần học	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Hant	7,0	Bảng phần học	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Đ	7,0	Bảng phần học	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	H	8,5	Tạm phần học	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	7,0	Bảng phần học	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	N	8,5	Tạm phần học	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	Ph	8,5	Tạm phần học	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Truc	7,0	Bảng phần học	
10	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	Nguyet	8,0	Tạm phần học	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	N	7,5	Bảng phần học	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	N	8,5	Tạm phần học	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	6,5	Sản phần học	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	Q	6,5	Sản phần học	
15	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thuan	7,0	Bảng phần học	
16	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	8,5	Tạm phần học	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thi	7,0	Bảng phần học	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	T	7,5	Bảng phần học	
19	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Thien	6,5	Sản phần học	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	N	7,0	Bảng phần học	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	C26TC	Trinh	8,0	Tạm phần học	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC	Tru	7,0	Bảng phần học	
23	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Tru	8,0	Tạm phần học	
24	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	7,5	Bảng phần học	
25	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	7,0	Bảng phần học	

Lưu ý: ³ - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lam Phung



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT	Dung	9,9	Chín phẩy chín	Dung
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT	Giang	9,8	Chín phẩy tám	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT	Hai	9,9	Chín phẩy chín	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT	Hách	9,8	Chín phẩy tám	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT	Hạnh	8,8	Tám phẩy tám	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT	Hân	9,9	Chín phẩy chín	Hân
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT	Hoàng	7,4	Bảy phẩy tư	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT	Hương	9,7	Chín phẩy bảy	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT	Long	8,6	Tám phẩy sáu	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT	Ly	8,5	Tám phẩy năm	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT	My	5,0	Năm phẩy không	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT	Nhi	9,8	Chín phẩy tám	
13	2410110024	Đầy Minh	Như	13/07/2006	C26KT	Như	7,1	Bảy phẩy một	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT	Như	7,1	Bảy phẩy một	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT	Oanh	9,8	Chín phẩy tám	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyen	24/12/2006	C26KT	Quyen	9,9	Chín phẩy chín	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT	Sương	9,8	Chín phẩy tám	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT	Thảo	9,8	Chín phẩy tám	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT	Thu	9,5	Chín phẩy năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT	Thư	9,5	Chín phẩy năm	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT	Tiên	9,8	Chín phẩy tám	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT	Tiến	5,6	Năm phẩy sáu	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT	Trâm	9,8	Chín phẩy tám	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT	Trâm	8,2	Tám phẩy hai	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT	Triết	9,7	Chín phẩy bảy	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT	Trinh	9,6	Chín phẩy sáu	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	9,7	chín phẩy bảy	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyền</i>	9,9	chín phẩy chín	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	9,7	chín phẩy bảy	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	9,2	chín phẩy hai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 0 . Số bài thi: 30 / 30 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phụng
Mai Lan Phụng



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Dung	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT	Dung	9,0	Chín phần mười	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT	Giang	9,0	Chín phần mười	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT	Hai	9,5	Chín phần mười	
4	2410110001	Ba Ti	Hách	16/8/2001	C26KT	Hách	9,0	Chín phần mười	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT	Hạnh	9,0	Chín phần mười	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT	Hân	9,0	Chín phần mười	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT	Minh	8,5	Tám phần mười	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT	Hương	8,5	Tám phần mười	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT	Long	8,5	Tám phần mười	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT	Thảo	8,5	Tám phần mười	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT	Thảo	7,5	Bảy phần mười	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT	Nhi	7,0	Bảy phần mười	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	C26KT	Như	8,5	Tám phần mười	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT	Như	8,5	Tám phần mười	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT	Oanh	8,5	Tám phần mười	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	C26KT	Quyên	9,0	Chín phần mười	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT	Sương	9,0	Chín phần mười	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT	Thảo	8,5	Tám phần mười	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT	Thu	8,5	Tám phần mười	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT	Thư	7,5	Bảy phần mười	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT	Tiên	7,5	Bảy phần mười	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT	Tiến	7,0	Bảy phần mười	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT	Trâm	8,0	Tám phần mười	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT	Trâm	9,0	Chín phần mười	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT	Triết	7,0	Bảy phần mười	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT	Trinh	9,0	Chín phần mười	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	7,5	Điểm phòng năm	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Buyen</i>	9,0	Chấp phòng (ch)	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	8,5	Tam phòng năm	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	6,5	Sun phòng năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 0 . Số bài thi: 32 / 32 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2015

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày 23 tháng 10 năm 2015

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phụng
Mai Lan Phụng





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	C25QT2		5,7	Năm điểm bằng	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hoa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	C25QT2	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 51 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đỗ Thị Hoa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Mai Lan Phương

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	C24QT7	phúc	6,5	Sáu phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hoa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	C24QT7	phúc	5,4	Năm phải bổ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120001	Nguyễn Thành Khôi	27/02/2001	C24TC1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 01 . Số bài thi: 0 / 0 .

Ngày: 24 tháng 10 năm 2025

Ngày: 23 tháng 10 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phở Hoa.

Mai Lan Phương

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ **BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120001	Nguyễn Thành Khôi	27/02/2001	C24TC1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 01 . Số bài thi: 0 / 0 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Phương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bao	7,4	Bảy phần tư	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	Duy	9,7	Chín phần bảy	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Thùy	8,3	Tám phần ba	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2	Đức	8,0	Tám phần mười	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2	G	9,7	Chín phần bảy	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	H	9,7	Chín phần bảy	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Huy	9,7	Chín phần bảy	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	Hy	9,5	Chín phần năm	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	Ny	9,7	Chín phần bảy	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	Phúc	9,8	Chín phần tám	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2	Phượng	7,1	Bảy phần mười	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Thơ	9,7	Chín phần bảy	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2	Trung	9,8	Chín phần tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 Số bài thi: 13 / 13

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Mai Lan Phương

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng	Bảo	29/11/2006	C26QT2		8,5	Tám phẩy năm	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ	Diệu	07/01/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy	Dương	16/02/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
4	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2		7,5	Bảy phẩy năm	
5	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
6	2410100036	Đặng Trung	Hiếu	22/12/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
7	2410100041	Tạ Nhật	Huy	11/12/2005	C26QT2		7,5	Bảy phẩy năm	
8	2410100038	Chung Lê Quốc	Hy	24/01/2006	C26QT2		9,0	Chín phẩy không	
9	2410100048	Trần Thị Hà	Ny	13/12/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	21/03/2006	C26QT2		9,0	Chín phẩy không	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	20/04/2006	C26QT2		5,0	Năm phẩy không	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh	Thơ	18/05/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
13	2410100049	Lê Phước	Trung	17/10/2002	C26QT2		6,5	Sáu phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

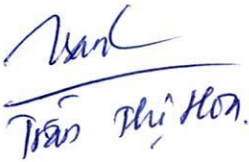
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 . Số bài thi: 13 / 13 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

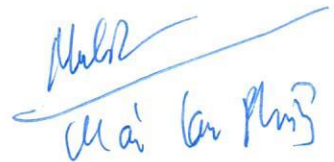
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Phương

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THỬ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		8,5	Tám phẩy năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		7,4	Bảy phẩy tư	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		9,5	Chín phẩy năm	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		8,2	Tám phẩy hai	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		8,2	Tám phẩy hai	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		8,7	Tám phẩy bảy	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		7,4	Bảy phẩy tư	
14	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		6,4	Sáu phẩy tư	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
16	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
17	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
18	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		7,4	Bảy phẩy tư	
19	2410100030	Trần Việt Phú	03/12/2004	C26QT1		0		
20	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		7,3	Bảy phẩy ba	
21	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		9,8	Chín phẩy tám	
22	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1		8,5	Tám phẩy năm	
23	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		8,5	Tám phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 01 . Số bài thi: 22 / 22 .

Ngày 11 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	03/8/2003	C26QT1	Anh	6,5	Sáu phẩy năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh	Anh	13/8/2006	C26QT1	Anh	8,5	Tám phẩy năm	
3	2410100018	Trần Ngọc	Ánh	16/07/2006	C26QT1	Anh	8,0	Tám phẩy bốn	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim	Cương	09/04/2006	C26QT1	Cương	7,0	Bảy phẩy không	
5	2410100026	Lê Thanh	Dương	22/12/2006	C26QT1	Dương	7,0	Bảy phẩy không	
6	2410100004	Tạ Duy	Đăng	16/10/2006	C26QT1	Đăng	6,5	Sáu phẩy năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/02/2006	C26QT1	Hằng	9,0	Chín phẩy không	
8	2410100029	Lê Chí	Hậu	05/11/2006	C26QT1	Hậu	9,0	Chín phẩy không	
9	2410100017	Nguyễn Đức	Hậu	31/01/2006	C26QT1	Hậu	7,5	Bảy phẩy năm	
10	2410100025	Nguyễn Quốc	Huy	10/06/2006	C26QT1	Huy	6,0	Sáu phẩy không	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiêu	Huyền	11/12/2006	C26QT1	Huyền	6,5	Sáu phẩy năm	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006	C26QT1	Huyền	9,0	Chín phẩy không	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005	C26QT1	Linh	8,0	Tám phẩy không	
14	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006	C26QT1	Ngân	8,0	Tám phẩy không	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006	C26QT1	Ngân	8,5	Tám phẩy năm	
16	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006	C26QT1	Nguyên	7,0	Bảy phẩy không	
17	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006	C26QT1	Nhi	9,0	Chín phẩy không	
18	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006	C26QT1	Nhung	8,0	Tám phẩy không	
19	2410100030	Trần Việt	Phú	03/12/2004	C26QT1	Phú	0		
20	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002	C26QT1	Thi	6,5	Sáu phẩy năm	
21	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006	C26QT1	Thu	8,5	Tám phẩy năm	
22	2410100002	Phạm Trung	Trúc	04/07/2004	C26QT1	Trúc	6,5	Sáu phẩy năm	
23	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	C26QT1	Xuân	7,0	Bảy phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 01 . Số bài thi: 22 / 22 .

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110429401

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Phạm Quang Sáng

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Giám thị 3:

Ký tên:

Ngày thi: 07/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	Anh				C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	anh				C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	Anh				C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	Bao				C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	Cuong				C26QT1	
6	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	Dieu				C26QT2	
7	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	Duong				C26QT1	
8	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	Duong				C26QT2	
9	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	Dang				C26QT1	
10	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	Gam				C26QT2	
11	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	Hang				C26QT1	
12	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	Hau				C26QT1	
13	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	Hau				C26QT1	
14	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	Hieu				C26QT2	
15	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	Huy				C26QT1	
16	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	Huy				C26QT2	
17	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	Huyen				C26QT1	
18	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	Huyen				C26QT1	
19	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	Hy				C26QT2	
20	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	Linh				C26QT1	
21	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	Ngan				C26QT1	
22	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	Ngan				C26QT1	
23	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	Nguyen				C26QT1	
24	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	Nhi				C26QT1	
25	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	Nhung				C26QT1	
26	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	Ny				C26QT2	
27	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	Phuc				C26QT2	
28	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	Thi				C26QT1	
29	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	Tho				C26QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006					C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày: 14 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày: 13 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Nhung

TRƯỜNG CĐBC CÔN
PHÒNG QUẢN
VÀ BẢO ĐẢM C.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Pháp luật kinh tế

Mã bài thi: WMZW05

Thời gian thi: 07/11/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 07/11/2025 08:45:00

Giám thị 1: Cao Thị Đan Ký tên:

Giám thị 2: P.O. Quang Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/08/2003		7	Bảy	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/08/2006		5.6	Năm, sáu	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006		8.8	Tám, tám	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006		9.2	Chín, hai	C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006		9.6	Chín, sáu	C26QT1	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006		7.4	Bảy, bốn	C26QT1	
7	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006		8	Tám	C26QT2	
8	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006		7.2	Bảy, hai	C26QT1	
9	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006		8.4	Tám, bốn	C26QT2	
10	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006		7.6	Bảy, sáu	C26QT2	
11	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006		9.2	Chín, hai	C26QT1	
12	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006		8.2	Tám, hai	C26QT1	
13	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006		8.8	Tám, tám	C26QT1	
14	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006		8.8	Tám, tám	C26QT2	
15	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005		7.8	Bảy, tám	C26QT2	
16	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006		8	Tám	C26QT1	
17	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006		7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
18	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006		9.6	Chín, sáu	C26QT1	
19	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006		8	Tám	C26QT2	
20	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005		8.4	Tám, bốn	C26QT1	
21	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006		9.6	Chín, sáu	C26QT1	
22	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006		9.6	Chín, sáu	C26QT1	
23	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006		7.8	Bảy, tám	C26QT1	
24	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006		9.4	Chín, bốn	C26QT1	
25	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006		9.4	Chín, bốn	C26QT1	
26	2410100048	Trần Thị Hà Ný	13/12/2006		8.8	Tám, tám	C26QT2	
27	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006		9.6	Chín, sáu	C26QT2	
28	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002		7.2	Bảy, hai	C26QT1	
29	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006		8.4	Tám, bốn	C26QT2	
30	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006		7.8	Bảy, tám	C26KT	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 30

Ngày 14 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 13 tháng 11 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆPTRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Ngày thi: 07/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000					C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006					C26KT	10
3	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996					C26KT	
4	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001					C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004					C26KT	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006					C26KT	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006					C26KT	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006					C26KT	
9	2310110055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005					C25QT2	
10	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005					C26KT	
11	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006					C26KT	
12	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/6/2006					C26KT	
13	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006					C26KT	
14	2410110024	Đáy Minh Như	13/07/2006					C26KT	
15	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006					C26KT	
16	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006					C26KT	
17	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004					C24QT7	
18	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006					C26KT	
19	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006					C26KT	
20	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006					C26KT	
21	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006					C26KT	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thùy Tiên	28/10/2006					C26KT	
23	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003					C26KT	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006					C26KT	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004					C26KT	
26	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006					C26KT	10
27	2410110003	Lê Duy Trinh	24/7/2005					C26KT	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006					C26KT	
29	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006					C26KT	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006					C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	Li				C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 29 / 29 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 14 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Mark
Phan Thi Hoa

Ngày: 13 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai
Mai Lan Phuz

TRƯỞNG
PHÒNG QUẢN LÝ
VÀ BẢO ĐẢM

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Pháp luật kinh tế

Mã bài thi: MJ14TE

Thời gian thi: 07/11/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 07/11/2025 08:45:00

Giám thị 1: Đ V Long Ký tên: Long

Giám thị 2: Ng Tiến Dũng Ký tên: Dũng

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<u>DN</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
2	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<u>Hb</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn Hai	22/02/1996	<u>2m</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
4	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<u>hân</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<u>Hào</u>	9.8	Chín, tám	C26KT	
6	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<u>Thh</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
7	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<u>hm</u>	9	Chín	C26KT	
8	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	<u>linh</u>	7.8	Bảy, tám	C25QT2	
9	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	<u>Long</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
10	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<u>ly</u>	8	Tám	C26KT	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<u>tho</u>	6.6	Sáu, sáu	C26KT	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	<u>nhi</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
13	2410110024	Đặng Minh Như	13/07/2006	<u>nhu</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<u>nhu</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<u>Oanh</u>	7.6	Bảy, sáu	C26KT	
16	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	<u>Phúc</u>	8.8	Tám, tám	C24QT7	
17	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	<u>quyên</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
18	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<u>suong</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<u>tho</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<u>th</u>	8.2	Tám, hai	C26KT	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	<u>tiên</u>	9.8	Chín, tám	C26KT	
22	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	<u>ti</u>	8.4	Tám, bốn	C26KT	
23	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<u>tr</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<u>tr</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
25	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	<u>trinh</u>	9.8	Chín, tám	C26KT	
26	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	<u>truc</u>	9	Chín	C26KT	
27	2410110010	Lê Thị Bích Tuyên	28/03/2006	<u>tuyen</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
28	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	<u>uyen</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
29	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	<u>vi</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 29

Số sinh viên đạt: 29

Ngày 14 tháng 11 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hào

Ngày 13 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Văn Phụng

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104294

Mã lớp học phần: 25111MH110429401

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Ngày thi: 07/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006					C26TC	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006					C26TC	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006					C26TC	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006					C26TC	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006					C26TC	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003					C26TC	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006					C26TC	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006					C26TC	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006					C26TC	
10	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000					C26TC	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006					C26TC	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006					C26TC	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004					C26TC	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyền	04/08/2006					C26TC	
15	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006					C26QT1	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006					C26TC	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006					C26TC	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006					C26TC	
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005					C26TC	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006					C26TC	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006					C26TC	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006					C26TC	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006					C26TC	
24	2410100049	Lê Phước	Trung	17/10/2002					C26QT2	
25	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006					C26TC	
26	2410100002	Phạm Trung	Trực	04/07/2004					C26QT1	
27	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006					C26TC	
28	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002					C26QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<i>Y</i>				C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 28 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 14 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hoa

Ngày 13 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phụng

TRƯỜNG CDRC
PHÒNG QUẢN
VÀ BẢO ĐẢM C

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Pháp luật kinh tế

Mã bài thi: DVQ8P5

Thời gian thi: 07/11/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 07/11/2025 08:45:00

Giám thị 1: Trần Thị Duyên Ký tên: SMM

Giám thị 2: Nguyễn Minh Tâm Ký tên: Th

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	<u>ICN</u>	9.2	Chín, hai	C26TC	
2	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	<u>P</u>	8.8	Tám, tám	C26TC	
3	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	<u>Đ</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	
4	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	<u>H</u>	8.6	Tám, sáu	C26TC	
5	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	<u>H</u>	9.6	Chín, sáu	C26TC	
6	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	<u>K</u>	8	Tám	C26TC	
7	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	<u>N</u>	9	Chín	C26TC	
8	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	<u>P</u>	9.8	Chín, tám	C26TC	
9	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	<u>T</u>	8	Tám	C26TC	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yên Nhi	05/11/2006	<u>N</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TC	
11	2410120022	Nguyễn Thị Yên Nhi	16/05/2006	<u>N</u>	5.8	Năm, tám	C26TC	
12	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	<u>P</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	
13	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	<u>N</u>	8.8	Tám, tám	C26TC	
14	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	<u>L</u>	6	Sáu	C26QT1	
15	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	<u>T</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TC	
16	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	<u>L</u>	9.8	Chín, tám	C26TC	
17	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	<u>T</u>	9.6	Chín, sáu	C26TC	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	<u>P</u>	8.2	Tám, hai	C26TC	
19	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	<u>D</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	<u>N</u>	8.4	Tám, bốn	C26TC	
21	2410120011	Huỳnh Thị Thủy Trinh	15/11/2006	<u>H</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TC	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006	<u>D</u>	9.6	Chín, sáu	C26TC	
23	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	<u>H</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TC	
24	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	<u>P</u>	9	Chín	C26QT1	
25	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	<u>L</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT2	
26	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/05/2006	<u>N</u>	8.2	Tám, hai	C26TC	
27	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<u>T</u>	7.4	Bảy, bốn	C26QT1	
28	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<u>N</u>	6	Sáu	C26TC	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 14 tháng 11 năm 2025
P TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 13 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Văn Phụng